

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 167/2020/TLST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Phạm Văn R, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Vĩnh N, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

+ Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1965;

+ Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965;

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Hoàng P là bà Trần Thị Ngọc H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lê Hoàng P và bà Trần Thị Ngọc H đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn R tổng số tiền còn thiếu là 361.000.000đ (Ba trăm sáu mươi một triệu đồng). Ghi nhận ông R không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $361.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\% = 9.025.000 \text{ đồng}$, trong đó:

+ Ông Phạm Văn R đồng ý chịu 4.512.500 đồng nhưng do ông R thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

+ Ông P và bà H đồng ý liên đới chịu 4.512.500 đồng nhưng do ông P và bà H thuộc trường hợp giảm án phí và có xác nhận của Ủy ban nhân xã nơi cư trú nên giảm cho ông P và bà H 50% án phí. Như vậy ông P và bà H phải liên đới chịu 2.256.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Chợ Lách;
- Lưu: hồ sơ vụ án, vp.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu